

Số: 32/2016/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất
nông nghiệp thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp
tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án “Xây dựng một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 577/SNNPTNT-KHTC ngày 12 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ trong nông nghiệp, nông thôn này được áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài các chính sách hỗ trợ theo quy định này, các đối tượng sản xuất còn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp có sự trùng lặp về chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Việc hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị được áp dụng cho dự án phù hợp quy hoạch, kế hoạch hoặc được chấp thuận cho phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện hỗ trợ sau đầu tư, khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

2. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, các doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (gọi tắt là người sản xuất).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được hiểu là trồng trọt (chủ yếu là rau, hoa, cây ăn quả,...) trong nhà kính, nhà lưới và có ứng dụng ít nhất một trong các quy trình công nghệ tiên tiến, hiện đại như điều hòa nhiệt độ, tưới (nhỏ giọt, phun mưa),...; nuôi trồng thủy sản trong nhà bạt và có ứng dụng một số công nghệ tiên tiến, hiện đại như xử lý nước cấp cho ao nuôi, xử lý nước thải,...; chăn nuôi gia súc, gia cầm có hệ thống chuồng trại được xây dựng để chăn nuôi theo quy trình công nghiệp và có ứng dụng một số công nghệ tiên tiến, hiện đại như hệ thống làm mát, sưởi ấm.

2. Cơ sở sản xuất giống thủy sản: Là cơ sở hoạt động sản xuất giống thủy sản bằng phương pháp sinh sản nhân tạo.

3. Trang trại: Cá nhân, hộ gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thỏa mãn các điều kiện tại Điều 5, Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Doanh nghiệp: là đơn vị sản xuất, kinh doanh được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

5. Nghề mới (trong lĩnh vực đánh bắt biển): được hiểu là nghề mới đưa vào khai thác đánh bắt trên biển tại địa phương mà trước đó chưa có hoặc chưa được áp dụng phổ biến.

6. Cây ăn quả đặc sản, cây ăn quả lâu năm mới: cây ăn quả đặc sản là cây ăn quả nổi tiếng Việt Nam theo bộ tiêu chí công bố giá trị đặc sản Việt Nam (bưởi Thanh Trà). Cây ăn quả lâu năm mới là cây ăn quả mới đưa vào trồng ở địa phương thích ứng với đất đai, khí hậu và sản phẩm có chất lượng, hiệu quả kinh tế, có khả năng phát triển (cam Nam Đông, bưởi Da xanh,...)

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình trong hàng rào

a) Dự án đầu tư cơ sở sản xuất nông nghiệp công nghệ cao có quy mô từ 500 m² trở lên (đối với trồng trọt); 2.000 m² (đối với nuôi trồng thủy sản); được hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở để đầu tư xây dựng nhà lưới, nhà bạt; lắp đặt các thiết bị chuyên dùng như hệ thống tưới nhỏ giọt, phun sương, sục khí, xử lý nước cấp, nước thải,...

b) Dự án đầu tư cơ sở sản xuất giống lợn ngoại (quy mô tối thiểu 300 con lợn nái); gà giống (quy mô tối thiểu 5.000 gà mái đẻ); chăn nuôi lợn, bò, gia cầm (đạt tiêu chí trang trại) được hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 1 tỷ đồng/cơ sở để đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị.

c) Dự án đầu tư cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp theo công nghệ nuôi cấy mô (công suất tối thiểu 1 triệu cây/năm) được hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 1 tỷ đồng/cơ sở để đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị.

d) Dự án đầu tư cơ sở sản xuất giống tôm sú (quy mô tối thiểu 10 triệu con giống P15/năm); sản xuất giống cá mần, lợ (quy mô tối thiểu 2 triệu con cỡ 3 cm/năm) được hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 1 tỷ đồng/cơ sở để đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị.

đ) Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

- Quy mô giết mổ từ 30 con gia súc đến dưới 70 con gia súc/ngày đêm được hỗ trợ 150 triệu đồng/cơ sở xây dựng mới; 80 triệu đồng/cơ sở cải tạo nâng cấp.

- Quy mô giết mổ từ 70 - 200 con gia súc /ngày đêm được hỗ trợ 200 triệu đồng/cơ sở xây dựng mới; 100 triệu đồng/cơ sở cải tạo nâng cấp.

- Quy mô giết mổ trên 200 con gia súc hoặc trên 1.000 gia cầm hoặc trên 100 con gia súc và 500 con gia cầm/ngày đêm được hỗ trợ 30% kinh phí nhưng không quá 1 tỷ đồng/cơ sở để đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị.

e) Dự án đầu tư cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá đánh bắt xa bờ (có công suất từ 90CV trở lên) được hỗ trợ 500 triệu đồng/cơ sở xây dựng mới và 250 triệu đồng/cơ sở nâng cấp, cải tạo để đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc, trang thiết bị.

2. Trường hợp dự án tại Khoản 1, Điều này nếu chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp nước đến hàng rào dự án thì còn được hỗ trợ thêm như sau:

a) Giao thông: được hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng đường giao thông nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

b) Cấp điện: được hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng đường điện vào khu sản xuất nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

c) Cấp nước: được hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước vào khu sản xuất nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

Điều 4. Hỗ trợ sản xuất

1. Dự án chuyển đổi đất lúa thiếu nước, hiệu quả thấp sang trồng các cây khác phù hợp, hiệu quả hơn được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống và 30% kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo quy trình (nếu trồng cây dài ngày phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chỉ hỗ trợ năm đầu). Quy mô vùng chuyển đổi tối thiểu 01 ha.

2. Phát triển cây ăn quả đặc sản, cây ăn quả lâu năm mới: Dự án phát triển cây ăn quả đặc sản, cây ăn quả lâu năm mới có quy mô tối thiểu 1.000m² được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, 30% kinh phí mua vật tư, thuốc bảo vệ thực vật năm đầu khi phát triển cây ăn quả đặc sản, cây ăn quả lâu năm mới phù hợp, có hiệu quả;

Được hỗ trợ 2.000.000 đ/cây để lập hồ sơ bình tuyển, công nhận cây ăn quả đặc sản đầu dòng.

3. Phát triển đàn bò cái lai sinh sản: Hộ gia đình có nhu cầu vay vốn ngân hàng để mua và nuôi bò cái lai sinh sản (riêng ở huyện A Lưới bao gồm cả bò cái vàng sinh sản) được hỗ trợ chênh lệch lãi suất giữa lãi vay Ngân hàng Thương mại và lãi vay Ngân hàng Chính sách xã hội. Số lượng hỗ trợ tối đa 05 con/hộ gia đình, thời gian hỗ trợ tối đa 3 năm.

4. Hỗ trợ trồng rừng: Người sản xuất đầu tư dự án trồng rừng gỗ lớn, trồng cây bản địa và cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng:

- Được hỗ trợ 50% giá cây giống trồng rừng gỗ lớn với diện tích trồng rừng tối thiểu 02 ha nhưng tối đa không quá 4 triệu đồng/ha và 50 triệu đồng/dự án.

- Được hỗ trợ 50% giá cây giống khi trồng cây bản địa và cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng theo hướng đa loài đa mục đích, với diện tích trồng tối thiểu 2 ha, nhưng tối đa không quá 4 triệu đồng/ha đối với cây bản địa và 3 triệu đồng/ha đối với cây lâm sản ngoài gỗ.

5. Hỗ trợ trồng cây dược liệu: Dự án trồng cây dược liệu có quy mô từ 0,5 ha trở lên được hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng vườn ươm cây, đồng ruộng...

Điều 5. Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ thực hiện các mô hình, dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

1. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: Được hỗ trợ mua giống cây trồng, vật nuôi, ong mật, thủy sản (sau đây gọi chung là giống) với mức hỗ trợ giống tối đa 80% và không quá 12 triệu đồng/hộ/mô hình.

Được hỗ trợ chi phí mua phân bón (trừ phân chuồng), thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thức ăn nuôi trồng thủy sản, vắc xin, thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y thủy sản), các loại chế phẩm dùng trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi chung là vật tư), với mức hỗ trợ vật tư tối đa 70% và không quá 12 triệu đồng/hộ/mô hình. Nếu mô hình trồng cây dài ngày, vật tư chỉ tính và hỗ trợ năm đầu.

2. Đối với hộ khác (bao gồm hộ không phải hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia trong nhóm hộ để thực hiện mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững): nội dung hỗ trợ tương ứng như hộ nghèo, hộ cận nghèo, với mức hỗ trợ giống tối đa 50%, vật tư tối đa 30% và không quá 07 triệu đồng/hộ/mô hình.

3. Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nghề mới, mua sắm ngư lưới cụ tăng năng lực đánh bắt thủy sản nhưng không quá 30 triệu đồng/tàu.

Điều 6. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ đầu tư

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư theo quy định này bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ (các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững); ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Cơ chế hỗ trợ đầu tư đối với các dự án sử dụng ngân sách địa phương quy định tại Điều 3 và Điều 4:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 90% định mức theo quy định này đối với dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho phép đầu tư; phần vốn đối ứng còn lại (10% định mức hỗ trợ) do ngân sách huyện đảm bảo.

Riêng các dự án được thực hiện tại các xã thuộc hai huyện Nam Đông, A Lưới và các xã bãi ngang cần khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn nên ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% định mức hỗ trợ đối với các dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho phép đầu tư.

b) Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí vốn trong dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh để thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì ban hành các văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố quy trình thẩm định các dự án đầu tư; xây dựng kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí hàng năm;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với các Dự án tỉnh cấp kinh phí trực tiếp; kiểm tra, phúc tra kết quả triển khai thực hiện chính sách của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố;

c) Phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chính sách.

d) Hàng năm, lập kế hoạch về khối lượng nhiệm vụ, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo hướng lồng ghép các nguồn vốn, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

e) Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng năm theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán; tổng hợp và quyết toán chính sách trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu bố trí kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách tỉnh và lồng ghép các nguồn vốn khác đảm bảo tỷ lệ 90% cho thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo Quy định này vào dự toán cấp huyện hàng năm;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định;

e) Căn cứ dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khả năng ngân sách tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hàng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND hàng năm bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính hàng năm tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để thực hiện một số đề tài, dự án, xây dựng các mô hình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí nguồn kinh phí bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu cho các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ở những vùng nguy cơ dễ bị tác động của biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của môi trường.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu đề xuất các chính sách thương mại, phân tích tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu nông sản; hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hóa thế mạnh của tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đẩy mạnh tiêu thụ nông sản từ các dự án sản xuất; kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng hóa nông, lâm, thủy sản.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chủ động bố trí ngân sách cấp huyện đảm bảo mức 10% trên tổng kinh phí thực hiện chính sách hàng năm của địa phương (trừ 2 huyện A Lưới và Nam Đông).

b) Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh giao kế hoạch khối lượng và kinh phí hỗ trợ hàng năm; UBND huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch được giao.

d) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ, tổ chức thẩm định và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ quy định tại cơ chế, chính sách này, tránh để thất thoát tiền vốn của nhà nước; chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ quyết toán và báo cáo tổng hợp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

e) Có trách nhiệm phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

g) Chỉ đạo các phòng, ban liên quan kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí hàng năm, tổng hợp quyết toán, gửi báo cáo tổng hợp về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

h) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn:

- Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này;

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định;

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương, trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách phải báo cáo UBND cấp huyện, UBND tỉnh để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định;

- Định kỳ hằng quý, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện.

8. Trách nhiệm của người sản xuất

Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

9. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng Quy định này để các địa phương, đơn vị, gia đình, cá nhân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao